**PHỤ LỤC I**

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC**

**1. Tên tổ chức:**...................................................................................................................

Địa chỉ: .................................................................................................................................

Điện thoại: .........................Fax:........................E-mail: ........................................................

**2. Tên người đại diện**: ........................................................................................................

**3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số**:[1]..................ngày .................................

Nơi cấp………………………………………......................................................................

**4. Loại hình hoạt động:**......................................................................................................

**II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN TH ỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**1. Nhân lực**

Danh sách nhân viên *(bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến khảo nghiệm):*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Nam /Nữ** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | **Chức vụ, chức danh** | **Chứng nhận tập huấn (số, ngày tháng năm)** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Phương tiện, thiết bị phục vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật**

………………………………………………………………………………………….....

………………………………………………………………………………………….....

………………………………………………………………………………………….....

……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………..

**3. Diện tích, cơ cấu, mùa vụ các loại cây trồng phổ biến trên địa bàn do tổ chức quản lý hoặc ký hợp đồng được sử dụng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cơ cấu các loại cây trồng chính** | **Diện tích(ha)** | **Mùa vụ** | **Sự xuất hiện các loài dịch hại** |
| 1 | Cây lúa |  |  |  |
| 2 | Cây ăn quả(vải, cam, xoài ...) |  |  |  |
| 3 | Cây rau(cải bắp, dưa chuột, bầu bí ...) |  |  |  |
| 4 | Cây trồng màu(đậu, lạc...) |  |  |  |
| 5 | Cây công nghiệp(chè, cà phê, điều, cao su…) |  |  |  |
| 6 | Cây trồng đặc thù |  |  |  |
|  | … |  |  |  |

**4. Phòng thử nghiệm phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật**

4.1. Phòng thử nghiệm đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật: Đơn vị chỉ định:........................, Quyết định chỉ định số ........... ngày......tháng.....năm.........................

4.2. Danh sách phòng thử nghiệm ký hợp đồng nguyên tắc *(áp dụng đối với đơn vị không có phòng thử nghiệm được chỉ định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng thử nghiệm** | **Đơn vị chỉ định** | **Số Quyết định chỉ định** | **Thời hạn hiệu lực chỉ định** |
| 1 |  |  |  |  |
| ........ |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM***(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)* |